

QUÂN CẢNG CAM RANH TRONG MỐI QUAN HỆ LIÊN XÔ/ LIÊN BANG NGÀ - VIỆT NAM (1979 - 2013)

TS. Bùi Thị Thảo

Trường Đại học Sư phạm Huế

Ngày 3/11/1978, Liên Xô và Việt Nam ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác có thời hạn 25 năm, đánh dấu bước ngoặt căn bản trong toàn bộ tiến trình phát triển của quan hệ Xô - Việt kể từ khi hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao (1950). Với hiệp ước này, Liên Xô thực hiện chính sách liên minh đồng thời tăng cường sự giúp đỡ mạnh mẽ và toàn diện đối với Việt Nam. Theo đó, bên cạnh những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, Liên Xô và Việt Nam cũng đạt được kết quả hợp tác nổi bật trên lĩnh vực quân sự với việc Chính phủ hai nước ký kết hiệp định ngày 2/5/1979. Theo hiệp định này, quân đội Liên Xô được quyền sử dụng sân bay và cảng Cam Ranh của Việt Nam (cùng với cảng Đà Nẵng). Sự hiện diện quân sự tại căn cứ này cho phép Liên Xô kiểm soát vùng biển nam Thái Bình Dương, toàn bộ Ấn Độ Dương và đạt được sự cân bằng quân sự với Mỹ tại châu Á. Sự hiện diện quân sự này của Liên Xô cũng góp phần to lớn trong công cuộc bảo vệ thành quả cách mạng của Việt Nam.

Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, Liên Xô tan rã, năm 1992, Liên bang Nga tiếp nhận quyền sử dụng Cam Ranh với tư cách

thừa kế hợp pháp. Tuy nhiên, năm 2001, cùng với việc trả Trung tâm Tình báo điện tử Loudres cho Cuba, Nga quyết định rút quân khỏi Cam Ranh trước thời hạn. Nguyên nhân nào khiến Nga đưa ra quyết định này? Liệu trong bối cảnh hiện nay, khi các cường quốc khác đều tăng cường hiện diện quân sự tại Đông Á và nhóm ngó Cam Ranh như một căn cứ quân sự chiến lược, Nga có cơ hội quay lại? Góp phần tìm hiểu điều này, bài viết tập trung lý giải những câu hỏi trên và đánh giá tác động của vấn đề Cam Ranh đến quan hệ đối tác chiến lược Nga - Việt.

1. Vài nét về quân cảng Cam Ranh

Căn cứ quân sự Cam Ranh nằm trong vịnh Cam Ranh, vốn là một vịnh nước sâu trên bờ biển phía đông nam của Việt Nam, thuộc tỉnh Khánh Hòa, giữa Phan Rang và Nha Trang, cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 290 km (180 dặm) về phía bắc. Cam Ranh có địa thế vô cùng quan trọng, đặc biệt là gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông. Theo tài liệu của Bộ tham mưu H. quân Nhật Bản công bố ngày 1/8/1944: “Cam Ranh là một cảng quân sự vào loại nhất thế giới, lại nằm giữa đường từ Singapore đi Hồng Kông và cũng có khả năng

cách gần như vậy từ Biển Đông đến Bangkok, Manila và đảo Sarawak hay Bắc Borneo"¹ Từ Cam Ranh, có thể triển khai nhanh chóng lực lượng quân sự ở Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Điều kiện địa lý và thủy văn bên trong vịnh cho phép tàu chiến quy mô lớn (trọng tải 10 - 20 vạn tấn), kể cả tàu sân bay neo đậu. Do vậy, từ nửa sau thế kỷ XIX, các cường quốc đã tiếp cận, xây dựng và sử dụng Cam Ranh như một căn cứ quân sự quan trọng. Từ cuối năm 1851², tàu Pháp đã cập bến ở cửa biển Cam Ranh, đến năm 1939, để bảo vệ thuộc địa Đông Dương trước các thế lực đế quốc khác, Pháp xây dựng Cam Ranh thành căn cứ cho lực lượng hải quân của họ³. Tuy nhiên, sau khi thất bại trong Chiến tranh thế giới thứ Hai (22/6/1940), Pháp buộc phải dâng chủ quyền Đông Dương (22/9/1940) và chấp nhận mọi yêu cầu của Nhật, trong đó có điều kiện: Pháp phải nhượng lại các căn cứ quân sự và

không quân ở Đông Dương, cho phép Nhật sử dụng vùng thuộc địa này làm căn cứ tiền tiêu trên đường tấn công Malaysia, Singapore và Indonesia⁴. Theo đó, từ tháng 7/1941, sau khi gửi tối hậu thư cho Pháp yêu cầu được sử dụng các căn cứ không quân và hải quân ở Nam Việt Nam, Nhật Bản hiện diện quân sự tại Cam Ranh. Năm 1942, Nhật độc chiếm Cam Ranh, xây dựng quân cảng này thành căn cứ hậu cần để xâm lược các nước Đông Nam Á nói trên và sử dụng trong Chiến tranh thế giới thứ Hai. Năm 1944, Lực lượng đặc nhiệm 38 của Mỹ đã tiêu diệt hầu hết hải quân Nhật Bản tại đây rồi rút đi. Được Mỹ ủng hộ trong kế hoạch tái chiếm Đông Dương, Pháp trở lại tiếp tục sử dụng quân cảng Cam Ranh cho đến khi quân viễn chinh Pháp rút khỏi miền Nam Việt Nam (28/4/1956)⁵.

Trong khi đó, ngay sau thất bại của Pháp trong chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), với các hoạt động can thiệp vào Việt Nam, tàu chiến Mỹ đã tiếp cận Cam Ranh. Tuy nhiên, hơn 10 năm sau, Mỹ mới chính thức sử dụng Cam Ranh như một căn cứ quân sự chiến lược.

Sau những thất bại liên tiếp trong cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt

¹ Văn Tạo (CB), "*Cách mạng tháng Tám, một số vấn đề lịch sử*", Nxb. Khoa học Xã hội, tr.77 - 78. Dẫn theo Lưu Văn Lợi, Nguyễn Hồng Thạch (2002), *Pháp tái chiếm Đông Dương và Chiến tranh lạnh*, Nxb. Công an nhân dân, tr.27

² Xem Nguyễn Phan Quang (1976), *Lịch sử Việt Nam (1427 - 1858)*, Quyển 2, tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 212.

³ Cam Ranh cũng là nơi hạm đội Baltic của Nga hoàng do đô đốc Zinovy Petrovich Rozhdestvensky chỉ huy, tạm trú trước khi tham chiến tại eo Tsushima (1905) với Nhật. Sau khi thắng Nga trong trận này, Nhật có thêm khu vực ảnh hưởng ở Triều Tiên, chiếm bán đảo Liêu Đông và miền Nam đảo Sakhalin. Do vậy, việc chiếm được quân cảng Lữ Thuận (Liêu Đông) đã khiến Nhật Bản tạm thời chưa thôn tính các căn cứ quân sự ở Đông Dương, lúc này đang thuộc chủ quyền của Pháp, cho đến cuối thập niên 1930, khi Nhật đẩy mạnh ý đồ bành trướng Đông Nam Á.

⁴ Xem Pitar A. Pulor (1986), *Nước Mỹ và Đông Dương từ Rudoven đến Nixon*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, tr.12.

⁵ Lưu Văn Lợi, Nguyễn Hồng Thạch (2002), *Pháp tái chiếm Đông Dương và Chiến tranh lạnh*, Nxb. Công an nhân dân, tr.256.

Nam⁶, Mỹ quyết định thực hiện chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ở miền Bắc. Để triển khai kế hoạch này, Mỹ cần xây dựng thêm khu hậu cần làm căn cứ tiếp liệu, khí tài quân sự và binh sĩ phục vụ mục tiêu mở rộng chiến tranh. Hạm đội hải quân 7 của Mỹ đã tiến hành các cuộc thăm dò và khảo sát thủy văn dọc bờ biển đông nam Việt Nam, bao gồm vịnh Cam Ranh. Tháng 2/1965, trong lúc thi hành nhiệm vụ, tàu trinh sát⁷ Mỹ đã tình cờ phát hiện tàu vận tải của quân đội Bắc Việt ở vịnh Vũng Rô (thực chất là "tàu không số" cung cấp đạn dược và quân nhu cho quân dân miền Nam). Sự kiện này đã thúc đẩy Mỹ nhanh chóng quyết định chọn và xây dựng Cam Ranh thành căn cứ quân sự quan trọng.

Cam Ranh là một căn cứ quân sự phức hợp, gồm cảng tránh gió nước sâu và sân bay, phục vụ công tác hậu cần và chiến đấu chiến thuật. Sân bay Cam Ranh được quân đoàn kỹ sư cùng những nhà thầu dân sự Mỹ xây dựng vào năm 1965. Nó được chuyển giao cho lực lượng không quân Thái Bình Dương Hoa Kỳ vào ngày 8/11/1965⁸ và được quân đội Mỹ sử dụng trong suốt chiến tranh Việt Nam (1965 - 1972). Mỹ cũng xây dựng tại Cam Ranh trung tâm tuần tra bờ biển với

phi đội hải quân gồm các loại máy bay tuần tra P-2 Neptune và P-3 Orion vào tháng 4/1967. Mùa hè cùng năm, họ chuyển sở chỉ huy lực lượng giám sát bờ biển từ Sài Gòn đến Cam Ranh, đồng thời xây dựng trạm thông tin hải quân tại đây. Quân đội Mỹ gồm hải quân và quân đoàn lính thủy đánh bộ, đã sử dụng cảng và sân bay tại căn cứ quân sự Cam Ranh một cách rộng rãi.

Sau thất bại trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972, căn cứ quân sự Cam Ranh được Mỹ chuyển giao cho chính phủ miền Nam Việt Nam vào ngày 15/5/1972 và được Quân đội Việt Nam Cộng hòa sử dụng. Ngày 3/4/1975, Quân đội nhân dân Việt Nam tiến vào giải phóng Cam Ranh, chiếm căn cứ quân sự và tất cả phương tiện còn tại đây.

2. Cam Ranh trong mối quan hệ Liên Xô/Liên bang Nga - Việt Nam

Sau Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Xô - Việt (1978), sự hỗ trợ quân sự của Liên Xô đối với Việt Nam mang đặc điểm mới, nhằm mục đích xây dựng và hiện đại hóa lực lượng không quân và hải quân Việt Nam. Nhờ đó, Quân đội nhân dân Việt Nam không ngừng được củng cố và lớn mạnh⁹.

⁶ Trong các chiến dịch Đồng Khởi 1/1960; Ấp Bắc 1/1963.

⁷ Có tư liệu cho là máy bay tải thương UH - 1B do trung úy James S.Bowers lái, chở thương binh của Việt Nam Cộng hòa trong trận đánh với Quân giải phóng miền Nam tại Đèo Nhông (7/2 - 8/2/1965).

⁸ Xem Books LLC (2010), *Russia Vietnam Relations: Ambassadors of Russia to Vietnam, Ambassadors of Vietnam to Russia, Soviet Union - Vietnam Relations*, Memphis, Tennessee, USA., tr.17.

⁹Theo tin tình báo Australia năm 1985, từ cuối năm 1978 đến đầu năm 1985, Liên Xô cung cấp cho hải quân Việt Nam 2 tàu khu trục nhỏ Petya - II, 7 tàu tuần tra duyên hải loại Zhuk, 8 tàu tấn công trang bị tên lửa đất đối đất OSA - II, 14 tàu có tên lửa đất đối đất loại PT/PCF, 4 tàu ngầm khu trục S.O, 5 tàu quét thủy lôi loại K-8 MSB và 2 tàu quét thủy lôi loại Yurka MSF cùng nhiều loại phương tiện, thiết bị hải quân khác. Về không quân, với sự giúp đỡ của Liên Xô, trong thời gian này, Việt Nam có 250 máy bay

Đáp lại, Việt Nam cho phép Liên Xô quyền sử dụng nhiều tiện nghi quân sự, trong đó quan trọng nhất là căn cứ hải quân tại vịnh Cam Ranh. Các chuyên gia quân sự Liên Xô nhanh chóng nhận thấy vị trí chiến lược của căn cứ này với chức năng một cảng quá cảnh, cung cấp và sửa chữa thiết bị cho các tàu lớn của họ đóng quân tại Ấn Độ Dương. Đây cũng là căn cứ để Liên Xô thu thập tin tức tình báo ở Biển Đông và khu vực châu Á trong Chiến tranh Lạnh. Quyền sử dụng cảng Cam Ranh còn cho phép Liên Xô triển khai quân một cách nhanh chóng, linh hoạt tại Thái Bình Dương và hỗ trợ cho hải quân Liên Xô ở Ấn Độ Dương trong tình trạng khẩn cấp. Nhận thấy tầm quan trọng này nên ngay từ năm 1975, Liên Xô đã xúc tiến việc sử dụng, nhưng đến năm 1979, cơ hội này mới thành hiện thực thông qua Hiệp định Xô - Việt ngày 2/5/1979. Theo Hiệp định này, Liên Xô được quyền sử dụng không phải trả tiền thuê quân cảng Cam Ranh trong thời hạn 25 năm (1979 - 2004). Cùng với Hiệp ước năm 1978, thỏa thuận này đánh dấu sự phát triển vượt bậc của liên minh Xô - Việt.

Thông qua sự hiện diện quân sự của Liên Xô tại Cam Ranh, Liên Xô và Việt Nam đã đạt được cơ chế đảm bảo an ninh tương hỗ. Điều này góp phần to lớn trong cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước của Việt

Nam¹⁰ và ngược lại, làm gia tăng mạnh mẽ sức mạnh và vị thế của Liên Xô tại Đông Nam Á và châu Á. Do đó, Liên Xô đã ưu tiên xây dựng Cam Ranh từ một trạm cung ứng vật tư kỹ thuật cho Hạm đội Thái Bình Dương mang phiên hiệu 922 thành "*căn cứ quân sự Xô viết lớn nhất nằm ngoài lãnh thổ*" và kết quả này đã góp phần khẳng định quan hệ đồng minh chiến lược Xô - Việt.

Tuy nhiên, từ tháng 3/1985, khi Mikhail Gorbachev lên làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, thực hiện chương trình "*cải tổ*" (đối nội) và "*tư duy chính trị mới*" (đối ngoại), quan hệ Xô - Việt cũng như quan hệ quân sự hai nước bị tác động sâu sắc. Cùng với khủng hoảng về kinh tế, đề bình thường hóa quan hệ với Mỹ và Trung Quốc, Liên Xô đã cắt giảm sự hiện diện quân sự tại Ấn Độ Dương. Điều này làm suy giảm mạnh vai trò của Cam Ranh, với một trong những chức năng quan trọng là cảng quá cảnh từ Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương. Tuy nhiên, tác động trực tiếp đến quan hệ quân sự - quốc phòng Xô - Việt và "*số phận*" của Cam Ranh là quyết định của M.Gorbachev tại Vladivostok và Krasnoyarsk. Trong Tuyên bố Vladivostok (7/1986), Gorbachev nhấn mạnh mong muốn nhanh chóng có hành

chiến đấu và 37 trực thăng vũ trang, khoảng 100 radar và 66 tên lửa đất đối đất. Ramesh Thakur, *ibid*, tr.125 - 126.

¹⁰ Trong những năm cuối thập niên 1970, đầu thập niên 1980, sự hỗ trợ và hiện diện quân sự của Liên Xô đã góp phần đưa đến thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống lực lượng Khmer Đỏ Campuchia, lực lượng phản động Trung Quốc và các thế lực đế quốc thù địch, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và công cuộc xây dựng đất nước của Việt Nam.

động đáp trả tương tự nếu Hoa Kỳ từ bỏ sự hiện diện quân sự tại Philippines. Ý tưởng này được cụ thể hóa một cách thẳng thắn trong diễn văn Krasnoyarsk (9/1988), rằng: *“Nếu Mỹ rút sự hiện diện các căn cứ quân sự ở Philippines, Liên Xô sẵn sàng thương lượng với Việt Nam để từ bỏ điểm hỗ trợ kỹ thuật và nguyên vật liệu hải quân ở vịnh Cam Ranh”*¹¹. Tháng 11/1989, Phó Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Liên Xô thông báo, họ sẽ đơn phương rút khỏi Cam Ranh và cắt giảm sự hỗ trợ quân sự cho Việt Nam. Tháng 12/1989, Liên Xô triển khai quyết định trên với việc dời đi toàn bộ đại đội linh thủy đánh bộ, tàu chiến, phi đội MIG - 23, phi đội ném bom Viễn Đông, gồm: 8 chiếc Tu - 16, 2 Tu - 95, 2 Tu - 142¹². Quyết định này của Liên Xô tác động và phản ánh sâu sắc trạng thái ngừng trệ của quan hệ Xô - Việt vào những năm cuối thập niên 80 thế kỷ XX. Cùng với việc rút hiện diện quân sự tại Cam Ranh, việc cắt giảm viện trợ cho Việt Nam (còn 1/3 so với trước) và vấn đề nợ đã bước đầu chấm dứt giai đoạn hợp tác trong chính sách liên minh của nhà nước Xô viết đối với Việt Nam cho đến khi Liên Xô sụp đổ vào cuối năm 1991.

Từ năm 1991, sự hiện diện của Liên Xô tại Cam Ranh chỉ mang tính tượng trưng. Năm 1992, khi họ rút hoàn toàn, Nga tiếp quản việc sử dụng Cam Ranh. Năm 1993,

chính phủ Nga kế thừa Liên Xô, tiếp tục thực hiện hiệp ước sử dụng Cam Ranh trong thời hạn 25 năm đã được Liên Xô ký với Việt Nam trước đó (1979 - 2004). Vào thời gian này, đa số nhân viên và tàu hải quân lớn đã rút khỏi, chỉ còn ít nhân sự và những trạm hỗ trợ kỹ thuật. Sự hiện diện quân sự của Nga lần này chủ yếu phục vụ cho mục tiêu duy trì ảnh hưởng và thu thập thông tin tình báo, thông tin về Trung Quốc, Biển Đông, đồng thời cũng khẳng định sự kế thừa quan hệ Xô - Việt trong thời kỳ mới. Tuy nhiên, cuối thập niên 1990, Việt Nam muốn cùng Nga đàm phán để sửa đổi hiệp định về Cam Ranh năm 1979 cho phù hợp với tình hình mới nhưng hai bên không đạt được thỏa thuận, nhất là vấn đề chi phí thuê cảng. Kết quả này cùng với việc theo đuổi mục tiêu đối ngoại riêng của cả Nga và Việt Nam nên tháng 6/2001, hai nước ra thông báo ngừng thuê cảng. Theo đó, ngày 2/5/2002, Chủ tịch Ủy ban Thanh lý Quốc gia Liên bang Nga - Chuẩn đô đốc Ivliev A. đã cùng Chủ tịch Ủy ban Tiếp nhận Quốc gia Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Chuẩn đô đốc Nguyễn Văn Hiến ký biên bản về việc kết thúc tiếp nhận - chuyển giao các công trình tại Cam Ranh¹³. Ngày 2/5/2002, lá cờ Nga được hạ xuống lần cuối, đánh dấu việc kết thúc sự hiện diện quân sự của Nga tại Cam Ranh.

¹¹ Liên Xô muốn nói đến việc từ bỏ hiện diện quân sự của Mỹ tại Vịnh Subic (Philippines). Xem thêm Ramesh Thakur, Carlyle A. Thayer, Bdd, tr.130 - 131.

¹² Ramesh Thakur, Bdd, tr.131.

¹³ Biên bản gồm 4 điều, nội dung khẳng định: *“Kể từ ngày ký biên bản này, quyền khai thác tiếp tục và việc sử dụng các công trình và trang thiết bị được chuyển giao trên thuộc về phía Việt Nam”* (điều 3).

Có thể thấy, sự rút đi của Liên Xô chịu tác động chủ yếu từ chủ định của nước này khi theo đuổi chính sách “*cùng chung sống hòa bình*” trong bối cảnh hòa hoãn Đông - Tây từ giữa thập niên 1980, nhưng sự ra đi của Nga ở Cam Ranh được thúc đẩy bởi nhiều nguyên nhân hơn:

Thứ nhất, cho đến cuối những năm 90 thế kỷ XX, nền kinh tế chuyển đổi của Nga vẫn ở trong thực trạng khó khăn, sức mạnh quân sự suy giảm nghiêm trọng. Nước Nga, thậm chí, “*không có tiền để giải quyết những nhiệm vụ bức xúc nhất*”¹⁴. Do đó, ưu tiên cấp bách hàng đầu của Nga lúc này là tập trung hoàn toàn vào chương trình phát triển kinh tế và cải cách toàn diện nền quốc phòng để khôi phục nội lực đất nước. Để thực hiện, Tổng thống V.Putin đã triển khai kế hoạch tinh giảm quy mô và chuyên nghiệp hóa quân đội. Kế hoạch này không cho phép Nga dàn trải chi phí thông qua các căn cứ quân sự nước ngoài không phục vụ trực tiếp cho mục tiêu trước mắt của Nga. Trong khi đó, để phù hợp với nhu cầu phát triển đất nước thời kỳ mới, Việt Nam quy định 200 triệu USD tiền thuê mỗi năm cho việc tiếp tục hoạt động của Cam Ranh¹⁵. Thực tế này khiến Nga khó có thể đáp ứng được.

Thứ hai, quyết định rút khỏi Cam Ranh thể hiện ưu tiên trong định hướng đối ngoại của Nga và được thúc đẩy mạnh mẽ hơn bởi sự kiện 11/9/2001. Thực hiện mục tiêu khôi phục vị thế cường quốc trong điều kiện nội lực đất nước còn hạn chế, tổng thống V.Putin đã theo đuổi chính sách đối ngoại thực dụng trên cơ sở tư tưởng Nga. Theo đó, tuy thực hiện chính sách cân bằng Đông - Tây, nhưng V.Putin nhấn mạnh “*bán sắc châu Âu*” và xem việc cải thiện quan hệ với Mỹ và phương Tây là nhiệm vụ chiến lược. Do đó, sự kiện 11/9/2001 là “*cơ hội duy nhất*” (unique opportunity) để Nga xích lại gần hơn với Mỹ và phương Tây. Để tận dụng cơ hội này và thuyết phục hơn nữa lòng tin từ phương Tây, sau khi tuyên bố ủng hộ Mỹ trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu, ngày 17/10/2001, tổng thống V.Putin quyết định trả lại căn cứ quân sự Cam Ranh cho Việt Nam và Trung tâm Tình báo diện từ Loudres cho Cuba. Từ bỏ Cam Ranh không chỉ phản ánh nhu cầu sử dụng căn cứ này của Nga không còn nữa mà quan trọng hơn, Nga muốn khẳng định: Họ không phát triển hạm đội đại dương toàn cầu và không đối đầu với Mỹ trên đất cũng như ngoài biển. Việc rút khỏi Trung tâm Tình báo Loudres ở Cuba - trạm trinh sát tiền đồn theo dõi hầu như toàn bộ khu vực Bắc Mỹ - cũng nằm trong chuỗi những tín hiệu chứng tỏ Nga quyết tâm xóa bỏ “*di sản Chiến tranh Lạnh*” và không coi Mỹ là kẻ thù. Quyết định này của V.Putin đã nhanh chóng cải thiện vị thế quốc tế của Nga với tư cách đồng minh chiến lược của Mỹ

¹⁴ Theo V. Putin (2012), *Nước Nga và thế giới đang thay đổi* (Bản dịch của Lê Thế Mẫu), NXB Chính trị Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội, tr. 245.

¹⁵ Xem Books LLC (2010), *Russia Vietnam Relations: Ambassadors of Russia to Vietnam, Ambassadors of Vietnam to Russia, Soviet Union - Vietnam Relations*, Memphis, Tennessee, USA, tr.28.

nhưng lại tác động hạn chế đối với các đồng minh truyền thống của Nga như Việt Nam, Cuba. Điều này ảnh hưởng lớn đến vị thế của Nga trong chính sách đối ngoại của Việt Nam và thúc đẩy hơn nữa chính sách cân bằng nước lớn của Việt Nam, bằng cách tăng cường quan hệ với Mỹ như đối tác tiềm năng nhất.

Thứ ba, việc xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược giữa Nga với Trung Quốc trong tam giác chiến lược Nga - Trung - Ấn cũng như trong Nhóm Các nền kinh tế mới nổi (BRICS) ít nhiều tác động đến quyết định dời khỏi Cam Ranh (với chức năng thu thập tin tức tình báo về Trung Quốc, Biển Đông) của Nga vào đầu thế kỷ XXI. Điều này phù hợp với mục tiêu “xây dựng nền quốc phòng “thống minh” nhằm hóa giải những nguy cơ mới”¹⁶ mà tổng thống V.Putin xác định.

Tất cả các lý do trên cho thấy, việc Nga rút khỏi Cam Ranh trước thời hạn là một diễn biến không quá bất ngờ, nhất là khi nó được thúc đẩy bởi nguyên nhân từ phía Việt Nam, cho chiến lược cân bằng quan hệ với các nước lớn mà sự hiện diện quân sự của Nga trở thành nhân tố nhạy cảm.

*** Về khả năng trở lại Cam Ranh của quân đội Nga**

Hiện nay, cùng với biến đổi về môi trường an ninh ở khu vực Châu Á - Thái

Bình Dương, tham vọng ngày càng rõ ràng của các cường quốc, nhất là Trung Quốc và tranh chấp biển đảo, đặc biệt là tranh chấp trên Biển Đông đã thúc đẩy sự quan tâm nhiều hơn của các nước lớn. Theo đó, vai trò, vị trí chiến lược của căn cứ Cam Ranh được nhận thức sâu sắc hơn.

Về phía Nga, bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, tuy chưa hoàn toàn thoát ra khỏi khủng hoảng nhưng Nga cũng đang bước vào giai đoạn hồi phục và kiện toàn. Theo đó, cùng với mục tiêu khôi phục vị thế cường quốc, Nga xác định nhiệm vụ quốc phòng của thập niên tới là “*chuyển sang quá trình trang bị lại trên phạm vi lớn và đồng bộ cho quân đội và hạm đội cũng như nhiều cơ cấu sức mạnh khác để đảm bảo an ninh quốc gia*”¹⁷. Triển khai mục tiêu này, tổng thống V.Putin đã chỉ ra “*nhiệm vụ của chúng ta là phục hồi hạm đội hải quân đại dương của Nga, trước hết là ở biển Bắc và Viễn Đông*”¹⁸. Điều này chứng tỏ Nga đang tính tới sự hiện diện trở lại của hạm đội đại dương ở những khu vực chiến lược trên thế giới. Do vậy, cùng với việc ngày càng chú trọng châu Á và mối quan hệ với Việt Nam, việc Nga quan tâm đến Cam Ranh - một căn cứ quân sự chiến lược có thể triển khai quân ở cả Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương - là điều không thể không tính đến. Biểu hiện rõ nhất là trong chuyến thăm Việt Nam gần đây (5/3/2013), Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Nga, Sergei Kuzhugetovich Shoigu, đã thăm quân

¹⁶ V. Putin (2012), Bdd, tr.239.

¹⁷ V. Putin (2012), Bdd, tr.252.

¹⁸ V. Putin (2012), Bdd, tr. 253.

cảng Cam Ranh và đàm phán chi tiết với Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam Phùng Quang Thanh về việc mở rộng hợp tác quốc phòng giữa hai nước.

Về phía Việt Nam, mối quan hệ truyền thống với Liên Xô trước đây và quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Nga hiện nay (từ tháng 7/2012) là một lợi thế của Nga so với các cường quốc khác trong việc tiếp cận Cam Ranh. Việc chọn Nga làm đối tác để tư vấn và mua công nghệ trong dự án xây dựng Cam Ranh thành một cảng dịch vụ tổng hợp cho tàu hải quân nước ngoài của chính phủ Việt Nam hiện nay đã thể hiện điều đó¹⁹.

Ngoài ra, việc các cường quốc như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Canada, Australia, Ấn Độ đều có động thái quan tâm Cam Ranh và bày tỏ nhu cầu sử dụng dịch vụ ở đây, một cách để họ mở rộng sự hiện diện tại Châu Á - Thái Bình Dương, cũng tác động lớn đến sự quay trở lại của Nga. Tuy nhiên, hạn chế về thực lực kinh tế, quân sự hiện nay của Nga, đặc biệt là lập trường không sử dụng Cam Ranh vào mục đích quân sự của chính phủ Việt Nam²⁰ khiến khả năng sử dụng Cam Ranh như một căn cứ quân sự của

Nga khó có thể thực hiện, mặc dù hiện nay, Nga là nước có cơ hội tiếp cận Cam Ranh lớn nhất so với các cường quốc còn lại.

3. Kết luận

Có thể nói, Cam Ranh đã từng là căn cứ quân sự quan trọng bậc nhất của Liên Xô tại Đông Nam Á và châu Á trong thập niên 1980. Tuy lịch sử phát triển của Cam Ranh trải qua nhiều thăng trầm, nhưng sự hiện diện quân sự của Liên Xô (từ 1979 đến 1991), của Nga (từ 1992 đến 2002) tại đây và quan hệ Nga - Việt hiện nay về vấn đề Cam Ranh đã phản ánh sâu sắc tiến trình phát triển của mối quan hệ Liên Xô/Liên bang Nga - Việt Nam. Trong lịch sử, việc Liên Xô sử dụng và triển khai quân đội tại Cam Ranh đã góp phần hỗ trợ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Từ những năm 90 thế kỷ XX trở đi, sự có mặt, sau đó là những liên hệ của Nga tại Cam Ranh thể hiện tinh kế thừa của quan hệ truyền thống Xô - Việt, đồng thời khẳng định quan hệ đối tác chiến lược Nga - Việt trong bối cảnh mới, bình đẳng, hợp tác cùng có lợi. Hiện nay, sự hợp tác và giúp đỡ của Nga đối với Việt Nam về con người, vũ khí và công nghệ trong việc xây dựng Cam Ranh thành một trung tâm dịch vụ hải quân cũng như sự tin cậy về chính trị của hai nước đã chứng tỏ: Cam Ranh tiếp tục đóng vai trò một cầu nối quan trọng, gắn kết quan hệ Nga - Việt trong tình hình mới./.

¹⁹ Năm 2009, Việt Nam bắt đầu mua thiết bị quân sự Nga, đặc biệt là máy bay chiến đấu Sukhoi Su - 30 và tàu ngầm. Tháng 11/2010, chính phủ Việt Nam đã mời chuyên gia Nga nâng cấp căn cứ hải quân Cam Ranh. Xem Olivia Kroth, Russia's return to Vietnam, <http://english.pravda.ru/russia/economics/04-03-2013/123963-russia-vietnam-0/>

²⁰ Việt Nam đang triển khai việc xây dựng Cam Ranh thành một căn cứ dân sự, tương tự như Chính phủ Philippines đã làm tại căn cứ hải quân Subic (để từ chối sự hiện diện quân sự của Mỹ tại đây).